

I. Thông tin chung

Học phần: Tiếng Nhật thương mại

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: DTJ0160_01

Mã nhóm lớp học phần:

DTJ0160_02

Thời gian làm bài: **30 phút/1 nhóm**

Hình thức thi: Thuyết trình (Nhóm)

SV được tham khảo tài liệu:

Có

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng kiến thức đất nước học Nhật Bản, văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản để giải quyết các tình huống điển hình trong giao tiếp thương mại.	Thuyết trình	15%	Giá trị bài thuyết trình	15	PI2.2
CLO2	Vận dụng những kiến thức về văn phong, từ vựng, mẫu câu tiếng Nhật thương mại để áp dụng vào môi trường công sở.	Thuyết trình	20%	1.Sự thích hợp 2.Sự chính xác	1. 10 2. 10	PI3.1
CLO3	Vận dụng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật thương mại để truyền đạt rõ ràng các thông tin và ý tưởng đến các bên liên quan trong môi trường công sở.	Thuyết trình	30%	1.Biểu hiện cơ thể 2. Giọng nói 3. Thái độ	1. 10 2. 10 3. 10	PI5.2
CLO4	Vận dụng kỹ năng phân tích, tổng hợp để xây dựng và triển khai một đề tài liên quan	Thuyết trình	20%	1.Triển khai thuyết trình;	20	PI8.1

	đến tình huống giao tiếp thương mại.					
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.	Thuyết trình	15%	Hiệu quả	15	PI5.3; PI5.4

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC PHẦN
Học kỳ 2, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Tiếng Nhật thương mại

Số tín chỉ: 02

Mã học phần: DTJ0160_01

Mã nhóm lớp học phần:

Thời gian làm bài: **30 phút/1 nhóm**

Hình thức thi: Tiểu luận_nhóm (có TT)

SV được tham khảo tài liệu:

Có

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

II. Nội dung câu hỏi thi

「日本企業とベトナム企業のビジネスパートナーシップの構築」に関連するプレゼンテーションを設計してください。日本企業とベトナム企業のどちらでも構いません。

- 以下の要件を満たす必要がある：

1. 日本の国土学および日本のビジネス文化の知識を活用して、商業コミュニケーションにおける典型的な状況を解決する。
2. 2つの企業間のパートナーシップの構築プロセスと手順を説明する。
3. 文化や言語の障壁を乗り越えるための具体的な解決策と計画を提案する。
4. ビジネスの文脈に適した日本語の語彙と文法を使用する。
5. ビジネス上での日本語によるコミュニケーションとプレゼンテーションのスキルを示す。
6. 効果的なチームワークを実現する。
7. 時間制限：30分

Rubric . Đánh giá cuối kỳ

Rubric đánh giá kiểm tra cuối kì						
Tiêu chí	Trọng số (%)	Mục đánh giá	Tốt Từ 80 – 100 đ	Khá Từ 60 – dưới 80 đ	Trung bình Từ 40 – dưới 60 đ	Yếu dưới 40 đ
Nội dung	50%	Triển khai thuyết trình (20%)	Cấu trúc bài thuyết trình rõ ràng, triển khai vấn đề phù hợp với tình huống của đề bài được đưa ra. Tài liệu hỗ trợ thuyết trình đa dạng, phong phú	Cấu trúc bài thuyết trình tương đối rõ ràng, triển khai vấn đề vẫn còn sai sót nhỏ so với tình huống của đề bài được đưa ra. Tài liệu hỗ trợ thuyết trình đa dạng, phong phú	Cấu trúc bài thuyết trình chưa rõ ràng, chính xác, triển khai vấn đề vẫn còn nhiều sai sót quan trọng so với tình huống của đề bài được đưa ra. Tài liệu hỗ trợ thuyết trình hầu như không có	Cấu trúc bài thuyết trình không hợp lý, không triển khai được vấn đề, hoàn toàn sai so với tình huống của đề bài được đưa ra. Tài liệu hỗ trợ thuyết trình không có
		Hiệu quả (15%)	Mức độ hoàn thành mục tiêu của bài thuyết trình tốt, tạo được hứng thú cho người xem	Mức độ hoàn thành mục tiêu của bài thuyết trình khá tốt, tạo được hứng thú cho người xem	Mức độ hoàn thành mục tiêu của bài thuyết trình trung bình, không tạo được hứng thú cho người xem cho lắm	Mức độ hoàn thành mục tiêu của bài thuyết trình kém, hoàn toàn không tạo được hứng thú cho người xem
		Giá trị bài thuyết trình (15%)	Bài thuyết trình nhiều ý tưởng, lập luận logic, quan điểm độc đáo có tính riêng biệt	Bài thuyết trình khá nhiều ý tưởng, lập luận logic nhưng vẫn còn sai sót nhỏ, quan điểm rõ ràng	Bài thuyết trình nghèo nàn ý tưởng, lập luận còn nhiều sai sót, không thể hiện rõ được quan điểm trong giải quyết vấn đề	Bài thuyết trình hoàn toàn không ý tưởng, lập luận không logic và sai sót rất nhiều, hoàn toàn không thể hiện được quan điểm trong giải

						quyết các vấn đề
Cách thuyết trình	30%	Biểu hiện cơ thể (10%)	Ngoại hình và ngôn ngữ cơ thể biểu hiện tốt phù hợp với tình huống của đề bài được đưa ra.	Ngoại hình và ngôn ngữ cơ thể biểu hiện khá tốt nhưng vẫn còn một vài sai sót nhỏ so với tình huống của đề bài được đưa ra.	Ngoại hình và ngôn ngữ cơ thể biểu hiện ở mức trung bình, vẫn còn nhiều sai sót so với tình huống của đề bài được đưa ra.	Ngoại hình và ngôn ngữ cơ thể biểu hiện kém, không tương tác bằng mắt hoặc có cử chỉ khiếm nhã, thiếu tôn trọng người nghe
		Giọng nói (10%)	Giọng nói to, rõ, trôi chảy, lưu loát	Nói trôi chảy, lưu loát nhưng giọng nhỏ	Chưa thuộc lời thoại nói vẫn còn vấp nhiều chỗ	Giọng nhỏ, nói không được tự nhiên, vấp rất nhiều chỗ
		Thái độ (10%)	Thái độ tự tin, rất nhiệt tâm vào tình huống đã được đưa ra	Thái độ tự tin, nhiệt tâm vào tình huống đã được đưa ra nhưng có sai sót nhỏ	Nhiệt tâm vào tình huống đã được đưa ra nhưng vẫn còn khá rụt rè	Hoàn toàn không có sự tự tin và không nhiệt tâm vào tình huống đã được đưa ra.
Cách sử dụng từ ngữ	20%	Sự thích hợp (10%)	Dùng từ ngữ phù hợp với người nghe và mục đích của buổi thuyết trình	Dùng từ ngữ phù hợp với người nghe và mục đích của buổi thuyết trình nhưng vẫn còn sai sót nhỏ	Dùng từ ngữ chưa thật sự phù hợp với người nghe và mục đích của buổi thuyết trình, còn sai sót khá nhiều	Dùng từ ngữ hoàn toàn không phù hợp với người nghe và mục đích của buổi thuyết trình
		Sự chính xác (10%)	Lựa chọn từ ngữ, cách phát âm, ngữ pháp ở mức độ tốt	Lựa chọn từ ngữ, cách phát âm, ngữ pháp ở mức độ khá	Lựa chọn từ ngữ, cách phát âm, ngữ pháp ở mức độ trung bình	Lựa chọn từ ngữ, cách phát âm, ngữ pháp ở mức độ kém, gây khó hiểu
Tổng	100%					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



ThS. Dương Ngọc Phúc

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Nguyễn Đoàn Quang Anh